

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Mai Thị T, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: số nhà 290, tổ 7, ấp L, xã L, thị xã TC, tỉnh AG. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Bùi Mai Thị T, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2007, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh T cùng sinh sống bên gia đình chị, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến năm 2017 thì hai vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do mâu thuẫn về tình cảm trong gia đình, vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, anh T mê cờ bạc dẫn đến thiếu nợ, không chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống với nhau có hai con chung, con trai tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 08/10/2008 và con gái tên Nguyễn Hà M, sinh ngày 31/8/2012. Hiện hai con chung đang sinh sống cùng chị và mẹ ruột của chị từ khi chị và anh T không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, khi hai con chung sống cùng chị thì lúc đầu anh T cũng đến thăm con nhưng hơn 01 năm nay anh T không có đến thăm nom hay gửi tiền, quà cho con chung, gia đình người thân hai con chung gọi điện thoại thì anh T không nghe điện. Hiện chị đang làm công nhân của Công ty sản xuất ly nhựa Tân Khải Hoa thu nhập mỗi tháng trên 10.000.000đ, nếu có tăng ca thì từ 12.000.000đ đến 13.000.000đ, trừ tiền sinh hoạt cá nhân như tiền nhà trọ, ăn uống, xăng xe thì còn dư khoảng 7.000.000đ, đủ để ba mẹ con chị sinh sống, anh T hiện làm công việc giao cá, bắt cá, thu nhập mỗi tháng bao nhiêu chị không rõ. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị và anh T chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Mai Thị T, cho chị Bùi Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 08/10/2008 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 31/8/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị

T tự nguyện không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Mai Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Thanh T. Hiện anh T đang cư trú tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Bùi Mai Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Mai Thị T và anh Nguyễn Thanh T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển 01/2008 ngày 10/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Mai Thị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị T, anh T đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị T, anh T đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Anh T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị T, điều này cho thấy anh T không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị T. Nhận thấy hôn nhân giữa chị T, anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hai con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 08/10/2008 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 31/8/2012 hiện đang sinh sống cùng chị T ổn định và được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, hai con chung Thành Nn, Hà M có nguyện vọng sống cùng chị T. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao hai con chung Thành N và Hà M cho chị T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung chị T trình bày, vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Bùi Mai Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004071 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Mai Thị T. Cho chị Bùi Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Mai Thị T. Giao hai con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 08/10/2008 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 31/8/2012 cho chị Bùi Mai Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Mai Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004071 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung